

# ĐÌNH CHỈ XÉT XỬ PHÚC THẨM VÀ ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ Ở TOÀ ÁN CẤP PHÚC THẨM

ThS. NGUYỄN THỊ THU HÀ \*

Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự có thể gặp phải những lí do khác nhau dẫn đến việc vụ án dân sự không thể giải quyết được. Vì vậy, toà án phải ngừng hẳn việc giải quyết vụ án dân sự. Ở toà án cấp phúc thẩm, khi có những lí do làm cho việc giải quyết vụ án không thực hiện được, toà án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

## 1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

Đình chỉ xét xử phúc thẩm là quyết định của toà án làm chấm dứt hoạt động tổ tụng giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục phúc thẩm và kết quả của quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm sẽ được công nhận, theo đó quyền và nghĩa vụ của các bên được ấn định trong bản án, quyết định sơ thẩm sẽ được tôn trọng và có hiệu lực thi hành.

Điều 260 BLTTDS quy định: “1. Toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án trong các trường hợp sau:

a. Khi có căn cứ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS;

b. Người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo hoặc viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị;

c. Các trường hợp khác mà pháp luật có quy định.

2. Trong trường hợp toà án cấp phúc

thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm”.

Ngoài ra, toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm khi có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 266 BLTTDS. Đó là người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì bị coi là từ bỏ việc kháng cáo và toà án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm phần vụ án có kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt.

Tuy nhiên, hiện nay việc hiểu và áp dụng các điều luật này còn nhiều vướng mắc. Chúng ta xem xét từng vấn đề cụ thể sau:

1.1. Về trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 BLTTDS: Khi có căn cứ tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS

Cụ thể: nguyên đơn hoặc bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế; cơ quan, tổ chức đã bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản mà không có cá nhân, cơ quan, tổ chức nào kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của cơ quan, tổ chức đó. Theo quy định tại Điều 278 BLTTDS thì hai căn cứ này cũng là căn cứ đình chỉ giải

\* Giảng viên Khoa luật dân sự  
Trường Đại học Luật Hà Nội

quyết vụ án dân sự ở phúc thẩm. Tuy nhiên, nếu hai căn cứ này phát sinh ở giai đoạn sơ thẩm nhưng toà án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã không phát hiện ra và khi toà án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án mới phát hiện ra các căn cứ này thì toà án cấp phúc thẩm phải huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Nếu hai căn cứ này xảy ra ở giai đoạn phúc thẩm tức là trong quá trình giải quyết vụ án ở toà án cấp phúc thẩm thì nguyên đơn hoặc bị đơn là cá nhân mới chết mà quyền và nghĩa vụ không được thừa kế hoặc cơ quan, tổ chức mới bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản mà không có cá nhân, cơ quan, tổ chức nào kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng thì toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Nhưng trong trường hợp này thì số phận pháp lí của bản án, quyết định sơ thẩm là như thế nào? Vấn đề này BLTTDS và Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP ngày 04/08/2006 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “Thủ tục giải quyết vụ án tại toà án cấp phúc thẩm” của BLTTDS (Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP) không có quy định nên có nhiều cách hiểu khác nhau.

*Cách hiểu thứ nhất*, vì khoản 2 Điều 260 BLTTDS chỉ quy định về hiệu lực pháp luật của bản án, quyết định sơ thẩm trong trường hợp người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo hoặc viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị nên có thể hiểu khi toà án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 260 BLTTDS thì bản án, quyết định sơ thẩm sẽ không có hiệu lực pháp luật và toà

án cấp phúc thẩm phải huỷ bản án, quyết định sơ thẩm.

*Cách hiểu thứ hai*, bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật vì tính chất của đình chỉ xét xử phúc thẩm không làm chấm dứt các quyền và nghĩa vụ về mặt nội dung mà chỉ chấm dứt thủ tục tố tụng phúc thẩm.<sup>(1)</sup>

Chúng tôi thấy rằng nếu hiểu theo cách hiểu thứ nhất thì không phù hợp với bản chất của đình chỉ xét xử phúc thẩm là làm chấm dứt hoạt động tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm và bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Còn hiểu theo cách thứ hai là phù hợp với bản chất của đình chỉ xét xử phúc thẩm nhưng nếu tuyên bố bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật thì theo quy định tại Điều 19 BLTTDS, bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật phải được thi hành. Tuy nhiên, bản án, quyết định sơ thẩm trong trường hợp này không thể thi hành vì các đương sự đã chết hoặc cơ quan, tổ chức đã bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản.

Theo chúng tôi, để khắc phục những vướng mắc này thì các căn cứ ở điểm a và điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS xuất hiện trong quá trình giải quyết vụ án ở toà án cấp phúc thẩm thì toà án cấp phúc thẩm sẽ ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án chứ không ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vì khi xuất hiện các căn cứ này ở giai đoạn phúc thẩm, vụ án sẽ không thể tiếp tục giải quyết được nữa và đương nhiên toà án cấp phúc thẩm phải chấm dứt việc giải quyết đối với toàn bộ vụ án đồng thời bản án, quyết định sơ thẩm cũng sẽ không được công nhận.

*1.2. Về trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 BLTTDS: Khi người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo hoặc viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị*

Đây là trường hợp có nhiều kháng cáo, kháng nghị đối với một hoặc nhiều quyết định của ban án, quyết định sơ thẩm nhưng người kháng cáo, viện kiểm sát đã rút tất cả kháng cáo, kháng nghị nên đối tượng xét xử của toà án không còn nữa. Điều này cũng đồng nghĩa với việc người kháng cáo, viện kiểm sát đồng ý với bản án, quyết định sơ thẩm. Do đó, toà án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm và bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Còn trong trường hợp khi người kháng cáo rút một phần kháng cáo hoặc viện kiểm sát rút một phần kháng nghị thì theo hướng dẫn tại Mục 10.2 Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP, toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án mà người kháng cáo đã rút kháng cáo hoặc viện kiểm sát đã rút kháng nghị khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Người kháng cáo rút kháng cáo hoặc viện kiểm sát rút kháng nghị mà trong vụ án không có kháng cáo của người khác, không có kháng nghị của viện kiểm sát đối với phần của bản án, quyết định sơ thẩm đó.

- Phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo hoặc kháng nghị mà kháng cáo hoặc kháng nghị đó đã được rút độc lập với những phần khác của bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị và việc xét kháng cáo, kháng nghị này không liên quan đến phần bản án, quyết định sơ thẩm có

kháng cáo hoặc kháng nghị đã được rút.

Tuy nhiên, Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP không có hướng dẫn về hình thức của quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm phần vụ án đó. Theo chúng tôi, trong trường hợp khi người kháng cáo rút một phần kháng cáo, viện kiểm sát rút một phần kháng nghị trước khi mở phiên toà hay tại phiên toà phúc thẩm thì toà án cấp phúc thẩm đều phải mở phiên toà xét xử phúc thẩm vụ án đối với phần kháng cáo, kháng nghị còn lại. Phần vụ án mà người kháng cáo đã rút kháng cáo hoặc viện kiểm sát đã rút kháng nghị sẽ được hội đồng xét xử (HĐXX) đề cập trong phần nhận thấy, nhận định và quyết định trong phần quyết định của bản án phúc thẩm.

*1.3. Về thẩm quyền ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự*

Theo quy định tại các điều 258, 260 và 265 BLTTDS thì việc đình chỉ xét xử phúc thẩm có thể xảy ra trước khi mở phiên toà và tại phiên toà phúc thẩm. Nếu các căn cứ đình chỉ xét xử phúc thẩm xuất hiện ở giai đoạn khi toà án cấp phúc thẩm chưa ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên toà sẽ ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Còn nếu các căn cứ này xuất hiện ở tại phiên toà phúc thẩm thì HĐXX sẽ ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, nếu các căn cứ này xuất hiện ở giai đoạn khi toà án cấp phúc thẩm đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử rồi thì theo chúng tôi, thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên toà không thể ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm được vì trong một vụ án không

thể đồng thời có hai quyết định: quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Do đó, trong trường hợp này nên mở phiên toà và HĐXX ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

## **2. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự ở toà án cấp phúc thẩm**

Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự ở phúc thẩm là quyết định của toà án làm chấm dứt toàn bộ hoạt động tố tụng giải quyết vụ án dân sự và kết quả của quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm sẽ không được công nhận. Hay nói cách khác, bản án, quyết định sơ thẩm bị toà án cấp phúc thẩm huỷ bỏ. Hiện nay, việc ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự ở phúc thẩm của toà án được quy định tại Điều 269 và Điều 278 BLTTDS. Tuy nhiên, việc áp dụng các điều luật này còn nhiều vướng mắc.

Theo quy định tại Điều 278 BLTTDS thì HĐXX phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nếu trong quá trình giải quyết vụ án tại toà án cấp sơ thẩm, vụ án thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 192 BLTTDS. Đây là trường hợp toà án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã không phát hiện ra những căn cứ quy định tại Điều 192 BLTTDS và vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung nhưng toà án cấp phúc thẩm khi giải quyết lại vụ án đã phát hiện ra vụ án có một trong các căn cứ này nên phải đình chỉ giải quyết vụ án. Vậy, nếu những căn cứ ở Điều 192 BLTTDS chỉ đến giai đoạn phúc thẩm mới xuất hiện thì toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hay quyết định đình chỉ xét xử phúc

thẩm? Đây là vấn đề mà BLTTDS quy định chưa đầy đủ. Trong khi đó, nếu những căn cứ ở Điều 192 BLTTDS xuất hiện trong quá trình toà án xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì BLTTDS lại có quy định đó là toà án cấp giám đốc thẩm, tái thẩm ra quyết định huỷ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án (Điều 300 và 309 BLTTDS). Chúng ta xem xét từng căn cứ cụ thể sau:

*2.1. Về trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS: Nguyên đơn hoặc bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế; cơ quan, tổ chức đã bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản mà không có cá nhân, cơ quan, tổ chức nào kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cơ quan, tổ chức đó*

Nếu hai căn cứ này xuất hiện ở giai đoạn phúc thẩm thì BLTTDS quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 BLTTDS, toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, như chúng tôi đã phân tích ở trên, đây nên là căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án ở toà án cấp phúc thẩm và khi đó toà án cấp phúc thẩm sẽ huỷ bản án, quyết định sơ thẩm.

*2.2. Về trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 BLTTDS: Người khởi kiện rút đơn khởi kiện và được toà án chấp nhận hoặc người khởi kiện không có quyền khởi kiện*

*Thứ nhất*, về căn cứ người khởi kiện rút đơn khởi kiện nếu xảy ra ở phúc thẩm thì theo quy định tại Điều 269 BLTTDS, HĐXX

phúc thẩm phải hỏi ý kiến của bị đơn, nếu bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Nếu bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. HĐXX phúc thẩm ra quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, việc áp dụng quy định này cũng có vướng mắc.

Theo quy định tại Điều 269 BLTTDS và hướng dẫn tại điểm b Mục 4.2 Phần III Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP thì việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn có thể xảy ra trong trường hợp khi vụ án đó không có kháng cáo, kháng nghị. Khi đó, toà án cấp sơ thẩm yêu cầu bị đơn trả lời bằng văn bản có đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn hay không? Nếu toà án cấp sơ thẩm nhận được văn bản trả lời của bị đơn đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn, toà án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án và văn bản rút đơn khởi kiện cho toà án cấp phúc thẩm để toà án cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 269 BLTTDS mở phiên toà phúc thẩm để huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Chúng tôi cho rằng quy định này là không hợp lý bởi lẽ theo quy định tại khoản 2 Điều 254 BLTTDS thì bản án, quyết định sơ thẩm hoặc phần bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Như vậy, trong trường hợp trên khi không có kháng cáo, kháng nghị thì bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật và được đưa ra thì hành nên không thể chấp nhận cho nguyên đơn rút đơn khởi kiện

được. Ngoài ra, cơ sở làm phát sinh thủ tục phúc thẩm là dựa trên kháng cáo, kháng nghị. Nếu không có kháng cáo, kháng nghị thì không thể có việc xét xử phúc thẩm. Do đó, trong trường hợp này toà án không thể mở phiên toà để huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án được. Để giải quyết vướng mắc này, có ý kiến cho rằng nguyên đơn rút đơn khởi kiện vào thời điểm vẫn còn thời hạn kháng cáo của đương sự thì toà án cấp sơ thẩm hướng dẫn cho đương sự kháng cáo toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm cùng với việc rút đơn khởi kiện để có căn cứ cho việc toà án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử. Nếu đương sự kháng cáo hoặc viện kiểm sát kháng nghị về toàn bộ bản án, quyết định và nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì tùy thuộc vào ý kiến của bị đơn có đồng ý cho nguyên đơn rút đơn hay không mà toà án giải quyết theo quy định tại Điều 269 BLTTDS. Trường hợp sau khi có bản án, quyết định sơ thẩm mà nguyên đơn rút đơn khởi kiện vào thời điểm đã hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và cũng không có kháng cáo, kháng nghị đối với bản án, quyết định sơ thẩm thì về nguyên tắc bản án, quyết định sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực pháp luật, do đó toà phúc thẩm không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn.<sup>(2)</sup> Chúng tôi thấy rằng hướng giải quyết này có những điểm hợp lý, tuy nhiên để mở phiên toà thì toà án phải hướng dẫn cho đương sự kháng cáo toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm cùng với việc rút đơn khởi kiện. Đây là việc làm không đơn giản đối với các đương sự khó tính, họ không thể hiểu nổi tại sao chỉ mỗi

yêu cầu rút đơn khởi kiện mà phải làm nhiều thủ tục như vậy. Chưa kể đương sự phải mất tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của mình mà không phải lúc nào người dân cũng chấp nhận đặc biệt là đối với những người có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng chính sách. Ngoài ra, nếu đương sự sau khi được giải thích vẫn không kháng cáo thì sao? Theo chúng tôi, chi nên đặt ra vấn đề rút đơn khởi kiện của nguyên đơn khi toà án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo hoặc quyết định kháng nghị của viện kiểm sát.

*Thứ hai*, căn cứ người khởi kiện không có quyền khởi kiện chỉ có thể xảy ra trong quá trình toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nhưng toà án cấp sơ thẩm không phát hiện ra và toà án cấp phúc thẩm khi giải quyết lại vụ án phát hiện ra căn cứ này nên toà án cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 278 BLTTDS để đình chỉ giải quyết vụ án và hủy ban án sơ thẩm.

*2.3. Về trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 BLTTDS: Cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện trong trường hợp không có nguyên đơn hoặc nguyên đơn yêu cầu không tiếp tục giải quyết vụ án*

Căn cứ này có thể xảy ra ở toà án cấp phúc thẩm. Đây là trường hợp cơ quan, tổ chức khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 162 BLTTDS. Khi toà án cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án thì cơ quan tổ chức này đã rút lại đơn khởi kiện của mình. Tuy nhiên, hiểu như thế nào là cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện trong

trường hợp không có nguyên đơn? Đây là trường hợp cơ quan, tổ chức khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khác nhưng người này không phải là người cần phải được bảo vệ, họ không có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm hoặc tranh chấp hay người cần được bảo vệ đã chết và cơ quan, tổ chức đã rút lại văn bản khởi kiện của mình. Vấn đề này cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa có hướng dẫn và thực tế hầu như cũng không có trường hợp cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện trong trường hợp không có nguyên đơn. Còn trường hợp cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện khi nguyên đơn yêu cầu không tiếp tục giải quyết vụ án được hiểu là cơ quan, tổ chức khởi kiện để bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn nhưng bản thân nguyên đơn lại không muốn toà án giải quyết vụ án và họ đã yêu cầu toà án không giải quyết vụ án đó nữa. Khi đó, cơ quan, tổ chức cũng rút lại văn bản khởi kiện của mình và toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, nếu cơ quan, tổ chức rút lại văn bản khởi kiện nhưng nguyên đơn lại muốn tiếp tục giải quyết vụ án thì toà án có đình chỉ giải quyết vụ án không hay vẫn giải quyết trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn. BLTTDS cũng không có quy định về trường hợp này.

Theo chúng tôi, để giải quyết những vướng mắc trên, điểm d khoản 1 Điều 192 BLTTDS nên quy định lại theo hướng: “Cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện, trừ trường hợp nguyên đơn vẫn yêu cầu toà án giải quyết vụ án”. Nếu căn cứ này xuất hiện ở phúc thẩm thì toà án cấp phúc thẩm đình

chỉ giải quyết vụ án và huỷ bản án, quyết định sơ thẩm.

*2.4. Về trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 BLTTDS: Các đương sự đã tự thoả thuận và không yêu cầu toà án tiếp tục giải quyết vụ án*

Căn cứ này có thể xảy ra trong giai đoạn phúc thẩm như bản án sơ thẩm tuyên bố anh A có nghĩa vụ trả nợ cho anh B là 100 triệu đồng. Anh A kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, A và B đã tự thoả thuận được với nhau là A chỉ trả cho B 80 triệu đồng và không có yêu cầu toà án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án. Trường hợp này BLTTDS và Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP cũng không có quy định.

Theo chúng tôi, khi các đương sự đã tự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thì chính sự tự thoả thuận này đã làm chấm dứt hoạt động giải quyết vụ án dân sự đồng thời phủ nhận giá trị pháp lí của bản án, quyết định sơ thẩm. Vì vậy, trong trường hợp này toà án cấp phúc thẩm nên ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và huỷ bản án, quyết định sơ thẩm.

*2.5. Về trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS: Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt*

Nếu căn cứ này xuất hiện ở phúc thẩm thì chúng ta áp dụng khoản 2 Điều 266 BLTTDS và Mục III. 2 Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP để giải quyết. Đó là nếu nguyên đơn là người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng

mặt tại phiên toà thì bị coi là từ bỏ việc kháng cáo và HĐXX phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án có kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt (nếu trong vụ án không có người kháng cáo khác). Trường hợp có nhiều nguyên đơn kháng cáo mà có người kháng cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 266 của BLTTDS thì HĐXX phúc thẩm tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo thủ tục chung đối với kháng cáo của những người kháng cáo có mặt tại phiên toà. Đối với phần vụ án có kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt thì HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm mà không phải ra quyết định riêng bằng văn bản nhưng phải ghi rõ quyết định này trong bản án nếu phần vụ án có kháng cáo của người kháng cáo vắng mặt không liên quan đến phần khác của bản án bị kháng cáo, kháng nghị. Nếu nguyên đơn không phải là người kháng cáo thì toà án cấp phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử.

*2.6. Về trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 192 BLTTDS: Đã có quyết định của toà án mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự trong vụ án mà việc giải quyết vụ án có liên quan đến nghĩa vụ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đó*

Căn cứ này có thể xuất hiện ở toà án cấp phúc thẩm. Đó là trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm thì doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự trong vụ án bị toà án ra quyết định mở thủ tục phá sản. Trong trường hợp này, toà án cấp phúc thẩm đang giải quyết vụ án theo

thu tục tố tụng dân sự thì ra quyết định gì? BLTTDS cũng không có quy định về vấn đề này. Theo chúng tôi, về nguyên tắc khi vụ án đang được toà án giải quyết mà đương sự trong vụ án đó có liên quan đến việc giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản thì vụ án đang được toà án giải quyết sẽ không được giải quyết, các yêu cầu của đương sự sẽ được giải quyết theo thủ tục phá sản. Do đó, toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và huỷ bản án, quyết định sơ thẩm. Tuy nhiên, theo quy định của Luật phá sản thì sau khi toà án ra quyết định mở thủ tục phá sản thì toà án cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã tiến hành thủ tục phục hồi kinh doanh. Nếu doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi được hoạt động kinh doanh thì thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh và sau khi có quyết định này thì vụ án được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự lại được tiếp tục. Nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không phục hồi được hoạt động kinh doanh và không thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì toà án ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản. Như vậy, về bản chất, cho đến khi toà án ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản thì lúc đó vụ án được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự mới bị dừng hẳn lại và những vấn đề liên quan đến nghĩa vụ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mới chính thức được giải quyết theo thủ tục phá sản. Còn khi toà án ra quyết định mở thủ tục phá sản thì vụ án được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự chưa dừng hẳn mà chỉ là tạm thời chấm dứt về mặt tố tụng,

nó có thể vẫn được tiếp tục giải quyết khi toà án ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh. Do đó, theo chúng tôi quy định như khoản 2 Điều 57 Luật phá sản năm 2005 và điểm g khoản 1 Điều 192 BLTTDS là không phù hợp với bản chất của đình chỉ giải quyết vụ án. Nên điểm g khoản 1 Điều 192 BLTTDS và khoản 2 Điều 57 Luật phá sản năm 2005 nên quy định theo hướng: Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án khi đã có quyết định của toà án mở thủ tục thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự trong vụ án mà việc giải quyết vụ án có liên quan đến nghĩa vụ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đó. Và nếu căn cứ này xuất hiện ở phúc thẩm thì toà án cấp phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án và huỷ bản án, quyết định sơ thẩm.

*2.7. Về trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 192 BLTTDS: Vụ án thuộc trường hợp trả lại đơn khởi kiện quy định tại Điều 168 BLTTDS*

Những căn cứ này chỉ có thể xảy ra trong quá trình toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nhưng toà án cấp sơ thẩm không phát hiện ra và toà án cấp phúc thẩm khi giải quyết lại vụ án phát hiện ra các căn cứ này nên toà án cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 278 BLTTDS để đình chỉ giải quyết vụ án và huỷ bản án sơ thẩm.

2.8. Ngoài những căn cứ ở Điều 192 BLTTDS xuất hiện ở giai đoạn phúc thẩm thì trong quá trình giải quyết vụ án ở toà án cấp phúc thẩm nếu người kháng cáo không có quyền kháng cáo như người kháng cáo



không phải là đương sự, không phải người đại diện hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức hoặc người kháng cáo ở giai đoạn phúc thẩm mới bị rơi vào trong tình trạng không có năng lực hành vi tố tụng dân sự và thuộc trường hợp pháp luật quy định không được đại diện như vụ án xin li hôn hoặc nội dung đơn kháng cáo về những vấn đề chưa được giải quyết ở toà án cấp sơ thẩm... thì toà án cấp phúc thẩm ra quyết định gì?

Về nguyên tắc, trách nhiệm kiểm tra đơn kháng cáo thuộc về toà án cấp sơ thẩm. Theo quy định tại Điều 246 BLTTDS và Mục 4 Nghị quyết số 05/2006/NQ-HĐTP nếu qua kiểm tra mà phát hiện thấy đơn kháng cáo là của người không có quyền kháng cáo hoặc nội dung kháng cáo không thuộc giới hạn của việc kháng cáo thì trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, toà án cấp sơ thẩm trả lại đơn và ghi chú vào sổ nhận đơn về việc trả lại đơn. Tuy nhiên, nếu toà án cấp sơ thẩm khi kiểm tra đơn kháng cáo không phát hiện ra điều này mà toà án cấp phúc thẩm khi giải quyết vụ án mới phát hiện ra thì toà án cấp phúc thẩm giải quyết thế nào? Vấn đề này BLTTDS chưa có quy định. Có ý kiến cho rằng trong trường hợp này toà án cấp phúc thẩm mở phiên toà phúc thẩm và HĐXX bác kháng cáo và giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm. Theo chúng tôi, bác kháng cáo, giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm theo quy định tại các điều 275, 280 BLTTDS là trường hợp người kháng cáo có quyền kháng cáo và kháng cáo đó là hợp lệ nhưng không có căn cứ và toà án cấp sơ thẩm đã xét xử

đúng. Còn trường hợp này ngay từ khi kháng cáo, người kháng cáo đã không có quyền kháng cáo rồi chứ chưa đề cập vấn đề là kháng cáo đó có hợp pháp và có căn cứ hay không. Do đó, khi người kháng cáo không có quyền kháng cáo mà vụ án không còn kháng cáo, kháng nghị nào khác thì đối tượng xét xử phúc thẩm không còn nên toà án cấp phúc thẩm phải đình chỉ xét xử phúc thẩm và bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên, chúng tôi đưa ra kiến nghị như sau:

Điều 260 BLTTDS nên quy định theo hướng:

“1. Toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hoặc một phần vụ án trong các trường hợp sau đây:

- a. Người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo hoặc viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị;
- b. Người kháng cáo rút một phần kháng cáo hoặc viện kiểm sát rút một phần kháng nghị;
- c. Người kháng cáo không có quyền kháng cáo;
- d. Các trường hợp khác mà pháp luật có quy định.

2. Trong trường hợp theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này thì toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

3. Trước khi toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử nếu vụ án thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này thì thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên toà

ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Trong trường hợp sau khi toà án cấp phúc thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử nếu vụ án thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này thì HĐXX ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án mà người kháng cáo đã rút kháng cáo hoặc viện kiểm sát đã rút kháng nghị nếu không có kháng cáo, kháng nghị khác đối với phần của bản án, quyết định sơ thẩm đó và phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo hoặc kháng nghị mà kháng cáo hoặc kháng nghị đó đã được rút độc lập với những phần khác của bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị và việc xét kháng cáo, kháng nghị này không liên quan đến phần bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo hoặc kháng nghị đã được rút.

HĐXX phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm phần vụ án mà người kháng cáo rút kháng cáo hoặc viện kiểm sát rút kháng nghị trong phần quyết định của bản án phúc thẩm”.

Điều 269 BLTTDS nên quy định theo hướng:

“1. Sau khi toà án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị của viện kiểm sát, nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi bị đơn có đồng ý hay không và tùy từng trường hợp mà giải quyết như sau:

a) Bị đơn không đồng ý thì không chấp

nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn;

b) Bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Trong trường hợp này, các đương sự vẫn phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của toà án cấp sơ thẩm và phải chịu một nửa án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật”.

Điểm d và g khoản 1 Điều 192 BLTTDS nên sửa đổi lại theo hướng:

“...d) Cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện, trừ trường hợp nguyên đơn vẫn yêu cầu toà án giải quyết vụ án;

g) Đã có quyết định của toà án mở thủ tục thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là một bên đương sự trong vụ án mà việc giải quyết vụ án có liên quan đến nghĩa vụ, tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã đó”.

Bổ sung điều luật quy định về đình chỉ giải quyết vụ án ở phúc thẩm:

“Trước khi mở phiên toà phúc thẩm hoặc tại phiên toà phúc thẩm nếu vụ án thuộc các trường hợp được quy định tại điểm a, b, d, đ, g khoản 1 Điều 192 BLTTDS thì HĐXX phúc thẩm ra quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Khi HĐXX ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án thì nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại vụ án”./.

(1).Xem: Tổng Công Cường, “Quy định về “đình chỉ” trong Bộ luật tố tụng dân sự”, *Tạp chí khoa học pháp lý*, số 4 (41)/2007.

(2).Xem: Nguyễn Triều Dương, “Về việc rút đơn khởi kiện của đương sự trong tố tụng dân sự”, *Tạp chí toà án nhân dân*, số 22/2009, tr. 21.